

Số: 897 /TTr - BNV

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết
của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội,
Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng**

Kính gửi: Chính phủ.

(Tài liệu gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Văn bản số 6823/VPCP-TCCV ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng theo trình tự, thủ tục rút gọn, gửi lấy ý kiến các Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) các thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh¹; gửi Bộ Tư pháp thẩm định. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Văn bản số ... ngày..., Bộ Nội vụ đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16/11/2020 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng của Quốc hội khóa XIV, ngày 29/3/2021 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành các Nghị quyết nêu trên. Theo đó, việc tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố được thực hiện từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026 (từ ngày 01/7/2021)². Quá trình thực hiện đến nay cho thấy tổ chức

¹ Bộ Nội vụ nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó có 14 ý kiến thống nhất (Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý kèm theo).

² Thành phố Hà Nội thực hiện không tổ chức HĐND đối với 175 phường, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện không tổ chức HĐND đối với 16 quận và 249 phường; thành phố Đà Nẵng thực hiện không tổ chức HĐND đối với 06 quận và 45 phường.

bộ máy và hoạt động của chính quyền địa phương quận, phường nơi không tổ chức HĐND đã đi vào ổn định, hoạt động thông suốt, chủ động; điều hành và quyết định kịp thời hơn những vấn đề cấp bách trên địa bàn, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ của chính quyền đô thị.

Tuy nhiên, cùng với những kết quả đạt được, quá trình triển khai thi hành Nghị định số 32/2021/NĐ-CP, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP đã bộc lộ một số bất cập, khó khăn, vướng mắc, chưa phù hợp với thực tiễn, cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, phường

a) Cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường có Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, Trưởng Công an phường:

Có ý kiến³ cho rằng quy định như tại các Nghị định là chưa phù hợp các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị, cần phải sửa đổi cho phù hợp.

Ngược lại, có ý kiến⁴ cho rằng trong cơ cấu UBND quận, UBND phường cần có đại diện lực lượng quân đội, công an để đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, nhất là trong điều kiện tổ chức chính quyền đô thị có những tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự chưa lường hết; bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối, trực tiếp mọi mặt đối với công tác quốc phòng, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Cơ cấu tổ chức của UBND quận có các cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập:

Có ý kiến cho rằng quy định như vậy là chưa phù hợp vì việc thành lập các cơ quan hành chính khác thuộc UBND quận được thực hiện theo Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và theo quy định pháp luật chuyên ngành. Do đó đề nghị không quy định cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ cấu tổ chức của UBND quận⁵; đồng thời bổ sung cụm từ “Người đứng đầu” vào trước “Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận” thành “Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận” để đảm bảo rõ ràng, cụ thể.

³ Ý kiến của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội.

⁴ Ý kiến của Bộ Công an, HĐND thành phố Hà Nội.

⁵ Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên quy định trong cơ cấu của UBND quận có các cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội (Nghị quyết của Quốc hội về Thành phố Hồ Chí Minh quy định cơ cấu tổ chức của UBND quận có các cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập nhưng Nghị quyết về thành phố Đà Nẵng không quy định).

2. Về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường (sau đây gọi là cán bộ phường)

Hiện nay, 03 Nghị định quy định việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ phường thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, việc quản lý, chế độ, chính sách đối với cán bộ phường vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (là cán bộ cấp xã).

Để bảo đảm thống nhất trong quản lý cán bộ, công chức ở phường, có ý kiến⁶ đề nghị giao cho UBND cấp quận quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phường như đối với công chức phường. Bên cạnh đó, có ý kiến⁷ đề nghị giao tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách hoặc thuộc biên chế khối đảng, do quận ủy, thị ủy, thành ủy quản lý để bảo đảm thống nhất về quản lý và sử dụng biên chế của khối đảng, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương.

3. Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại UBND quận, phường

a) Quy định công chức làm việc tại UBND phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ các chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của UBND phường là chưa bao quát được hết phạm vi quản lý công chức làm việc tại UBND phường vì ngoài các trường hợp tuyển dụng, bổ nhiệm còn các trường hợp được điều động, luân chuyển, biệt phái từ các cơ quan khác về phường.

b) Về số lượng biên chế công chức phường: Các Nghị định quy định biên chế công chức phường bình quân là 15 người, số bình quân này được tính cho tổng số phường của từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố. Quy định này dẫn đến 03 thành phố không chủ động điều chỉnh được số lượng biên chế công chức phường giữa các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố, trong khi quy mô dân số của các phường có độ giãn cách rất lớn⁸ và khối lượng công việc không đồng đều giữa các phường. Do đó, các thành phố đề xuất số bình quân này được tính cho tổng số phường của toàn thành phố để thành phố có căn cứ điều chỉnh số lượng biên chế công chức phường của từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố hoặc của từng phường cho phù hợp. Ngoài ra, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xác định số lượng biên chế công chức phường theo quy mô dân số của phường để đáp ứng yêu cầu quản lý của những phường có dân số lớn.

c) Về tiêu chuẩn của công chức phường: Hiện nay, công chức phường tại nơi thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn

⁶ UBND Thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Đà Nẵng.

⁷ Vụ Tổ chức - Biên chế thuộc Bộ Nội vụ, HĐND thành phố Hà Nội.

⁸ Phường có dân số thấp nhất là 1.215 người (phường An Lợi Đông thuộc thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh), phường có dân số cao nhất là 125.894 người (phường Bình Hưng Hòa A thuộc quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

ngạch công chức đã được bổ nhiệm vào ngạch công chức hành chính (không chỉ hưởng lương theo ngạch). Do đó, cần giao cho các thành phố quy định cụ thể vị trí việc làm tại UBND phường làm căn cứ thực hiện việc tuyển dụng công chức làm việc tại UBND phường.

d) Về bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường: Thực tiễn tại 03 thành phố có nhiều trường hợp nhân sự dự kiến để bổ nhiệm các chức danh này chưa phải là công chức (đang là người hoạt động không chuyên trách ở phường) và không thuộc các trường hợp được tiếp nhận vào làm công chức quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong thực hiện quy trình tuyển dụng công chức và bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường.

đ) Một số quy định còn bất cập, chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung:

Tại Nghị định về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định về thành phố Đà Nẵng quy định một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, như: Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại UBND quận, thành phố thuộc thành phố, UBND phường; quy định chuyển tiếp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận từ chức danh cán bộ sang chức danh công chức lãnh đạo; quy định về tính thời gian giữ chức vụ Phó Chủ tịch quận, phường trước ngày 01/7/2021; quy định việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4. Về số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách (NHĐKCT)

Theo quy định của 03 Nghị định, hiện nay tại 03 thành phố vẫn thực hiện số lượng, chế độ, chính sách đối với NHĐKCT ở phường và ở tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Các thành phố đề xuất được chủ động quy định số lượng, chế độ, chính sách đối với NHĐKCT ở phường và tổ dân phố trên cơ sở thực tiễn của địa phương, với lý do dân số tại các phường của 03 thành phố quá đông, khối lượng công việc ở phường thường quá tải trong khi số lượng và chế độ phụ cấp đối với người NHĐKCT theo quy định chung còn thấp so với yêu cầu công việc và mức thu nhập bình quân dân cư trên địa bàn.

Bộ Tài chính đề nghị cần quy định số lượng tối đa NHĐKCT ở phường và tổ dân phố theo quy mô dân số, nghiên cứu quy định số lượng NHĐKCT phù hợp với những phường có dân số rất đông để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

5. Về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, thành phố thuộc thành phố

Hiện nay, các Nghị định giao UBND Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP) để quy định cụ thể tên gọi và số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận cho phù hợp.

Thành phố Đà Nẵng cho rằng quy định như vậy gây khó khăn trong việc thực hiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận theo hướng tinh gọn, hiệu quả và đề nghị giao UBND thành phố, căn cứ vào quy định của Chính phủ và tình hình thực tiễn công tác quản lý đô thị tại mỗi quận để quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên, quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, đảm bảo không quá 12 cơ quan.

6. Về một số chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương

a) Nhiệm vụ an ninh, quốc phòng:

Nghị định về Thành phố Hồ Chí Minh quy định UBND Thành phố tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở thành phố thuộc Thành phố (thành phố Thủ Đức) và phường thuộc thành phố Thủ Đức là chưa phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội và quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương⁹.

Ngoài ra, Bộ Công an, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bổ sung một số nội dung nhiệm vụ về an ninh và sửa đổi về thẩm quyền cho phù hợp.

b) Thực hiện thẩm quyền của HĐND quận, HĐND phường quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành:

Một số văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc UBND quận, UBND phường phải trình HĐND cùng cấp thông qua trước khi quyết định hoặc trình cấp trên xem xét, quyết định (như: Đề án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,...). Tuy nhiên, các Nghị quyết của Quốc hội và các Nghị định của Chính phủ về tổ chức chính quyền đô thị không quy định nội dung này dẫn đến khó khăn trong thực hiện do không còn tổ chức HĐND quận, phường.

7. Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường, UBND phường ban hành trước ngày 01/7/2021 và thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận

a) Các Nghị quyết của Quốc hội và các Nghị định của Chính phủ về tổ chức mô hình chính quyền đô thị chưa có quy định về thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường (ban hành trước ngày 01/7/2021) khi chính quyền địa phương ở quận, phường không tổ chức HĐND từ ngày 01/7/2021 và văn bản quy phạm pháp luật của UBND phường (ban hành trước ngày 01/7/2021) khi UBND phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật từ ngày 01/7/2021.

⁹ Nghị quyết của Quốc hội quy định UBND thành phố Thủ Đức tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại phường thuộc thành phố Thủ Đức (điểm c khoản 1 Điều 7). Đối với thành phố Thủ Đức (vẫn tổ chức HĐND), Nghị quyết không giao Chính phủ hướng dẫn mà thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản pháp luật liên quan (do UBND thành phố Thủ Đức thực hiện).

b) Nghị định số 33/2021/NĐ-CP về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP về thành phố Đà Nẵng chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận dẫn đến các địa phương gặp nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện.

8. Về việc viện dẫn điều khoản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ dự thảo quyết định để thẩm định

Nghị định về Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định về thành phố Đà Nẵng viện dẫn chưa chính xác một số điều khoản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cần phải sửa đổi cho phù hợp.

Ngoài ra, 02 Nghị định này quy định: “...Chậm nhất là 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp, cơ quan soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Phòng Tư pháp để thẩm định” và “Chậm nhất là 05 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, Phòng Tư pháp phải gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan soạn thảo”. Theo đó, thời gian thực hiện thẩm định không đảm bảo 15 ngày theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 03 NGHỊ ĐỊNH

1. Mục tiêu

Việc sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định nhằm sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp với các Nghị quyết của Quốc hội về chính quyền đô thị; kịp thời giải quyết, khắc phục những bất cập, vướng mắc, khó khăn phát sinh từ thực tiễn tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố trong thời gian vừa qua.

2. Quan điểm

a) Bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, bảo đảm từng bước liên thông, đồng bộ và thống nhất đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị.

c) Thực hiện nguyên tắc một Nghị định sửa nhiều Nghị định (03 Nghị định) do có các nội dung tương đồng.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Tên của dự thảo Nghị định

Tên của dự thảo Nghị định là “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng”.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

2.1. Điều 1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP; Điều 2 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Điều 3 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2021/NĐ-CP. Nội dung sửa đổi, bổ sung các Nghị định như sau:

a) Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường:

- Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường có các chức danh: Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, Trưởng Công an phường: Đề nghị giữ nguyên quy định này của 03 Nghị định để đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Quy định này mặc dù chưa phù hợp với các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị nhưng thực tiễn thực hiện mô hình chính quyền đô thị thời gian qua cho thấy sự tham gia của thành phần công an, quân đội trong cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường đã góp phần thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch, bảo đảm công tác quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn trước những thay đổi và bất ổn của đại dịch, tạo điều kiện cho chính quyền đô thị hoạt động ổn định, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Bộ Nội vụ sẽ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc sửa đổi, bổ sung nội dung này khi tiến hành sơ kết thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị.

- Về cơ cấu tổ chức của UBND quận có các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Đề nghị bỏ quy định này tại Nghị định về thành phố Đà Nẵng và giữ nguyên tại Nghị định về Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bổ sung cụm từ “Người đứng đầu” vào trước “Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân quận” trong cơ cấu tổ chức của UBND quận.

b) Về quản lý, chế độ, chính sách đối với cán bộ phường

- Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị trung ương 7 Khóa XII “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” đã nêu chủ trương liên thông giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức nói chung.

- Luật Cán bộ, công chức đã quy định: “Cán bộ, công chức cấp xã khi giữ chức vụ được hưởng lương và chế độ bảo hiểm; khi thôi giữ chức vụ, nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật được xem xét chuyển thành công chức, trong trường hợp này, được miễn chế độ tập sự và hưởng chế độ, chính sách liên tục” (Khoản 2 Điều 62); “Chính phủ quy định cụ thể số lượng cán bộ, công chức cấp xã” (Khoản 5 Điều 61).

Do đó, để thống nhất trong quản lý, sử dụng cán bộ phường với công chức phường (thuộc biên chế công chức của UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố và được xếp ngạch như công chức từ cấp quận trở lên), dự thảo Nghị

định quy định biên chế cán bộ phường do UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quản lý; việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ phường được thực hiện như đối với công chức phường; việc bầu cử cán bộ phường vẫn thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và quy định của pháp luật liên quan.

c) Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quận, phường:

- Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về công chức làm việc tại UBND phường như sau: “Công chức làm việc tại UBND phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm, **điều động, luân chuyển, biệt phái** giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của UBND phường”.

- Về số lượng biên chế công chức phường, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung như sau: Biên chế công chức phường được xác định theo quy mô dân số¹⁰. Số biên chế công chức phường được tính cho tổng số phường toàn thành phố. UBND thành phố trình HĐND cùng cấp quyết định số lượng biên chế công chức phường của từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố. Căn cứ vào tổng số biên chế công chức phường được HĐND thành phố phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại UBND mỗi phường trực thuộc cho phù hợp (không hạn chế số lượng tối thiểu và tối đa công chức của phường nhưng không được vượt quá tổng số biên chế công chức phường được phân bổ đối với từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố).

Việc đề xuất cách xác định biên chế công chức phường theo quy mô dân số phường như trên là căn cứ theo quy định về tiêu chuẩn quy mô dân số của phường¹¹. Theo đề xuất nêu trên thì số lượng biên chế công chức phường của 03 thành phố tăng thêm 1.143 biên chế¹² so với quy định hiện hành là 7.035 biên chế (trung bình 15 biên chế/phường).

- Bổ sung tại 03 Nghị định quy định giao UBND thành phố xác định vị trí việc làm tại UBND phường, cơ cấu ngạch công chức làm việc tại UBND phường, làm căn cứ để thực hiện tuyển dụng, quản lý công chức phường.

- Việc tuyển dụng, bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường: Bổ sung tại 03 Nghị định quy

¹⁰ Phường thuộc quận: Có từ 15.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân thì được tăng thêm 01 biên chế công chức.

Phường thuộc thành phố thuộc thành phố: Có từ 7.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 7.000 dân thì cứ thêm 3.500 dân thì được tăng thêm 01 biên chế công chức.

Phường thuộc thị xã: Có từ 5.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức; có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân thì được tăng thêm 01 biên chế công chức.

¹¹ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15) quy định tiêu chuẩn về quy mô dân số của phường thuộc quận là từ 15.000 người trở lên, phường thuộc thành phố thuộc thành phố từ 7.000 người trở lên, phường thuộc thị xã từ 5.000 người trở lên.

¹² Số liệu dân số của các phường tính đến tháng 3/2022 (34 quận thuộc 03 thành phố tăng 862 biên chế; thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội tăng 10 biên chế và thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh tăng 271 biên chế).

định trường hợp không phải là công chức thì quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng, tiếp nhận công chức.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 30 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Điều 27 Nghị định số 34/2021/NĐ-CP theo hướng làm rõ thẩm quyền trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức quận, phường¹³.

- Bổ sung quy định về chuyển tiếp Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận từ chức danh cán bộ sang công chức lãnh đạo (Điều 42 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Điều 38 Nghị định số 34/2021/NĐ-CP).

d) Về số lượng, chế độ chính sách đối với NHĐKCT ở phường

- Để giải quyết vướng mắc, khó khăn của các thành phố về việc bố trí số lượng NHĐKCT và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, dự thảo Nghị định quy định số lượng NHĐKCT ở phường theo phân loại đơn vị hành chính của phường và dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn về quy mô dân số của phường, cụ thể như sau:

+ Tính theo phân loại đơn vị hành chính của phường: Loại 1 có không quá 14 người; Loại 2 có không quá 12 người; Loại 3 có không quá 10 người.

+ Tính theo dân số tăng thêm: Phường thuộc quận có trên 15.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được tăng thêm 01 NHĐKCT; phường thuộc thành phố thuộc thành phố có trên 7.000 dân thì cứ thêm 3.500 dân được tăng thêm 01 NHĐKCT; phường thuộc thị xã có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân được tăng thêm 01 NHĐKCT.

- NHĐKCT ở phường được hưởng chế độ phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với NHĐKCT ở phường với mức khoản quỹ phụ cấp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở trên 1 người.

- Căn cứ vào số lượng NHĐKCT ở phường được xác định theo nguyên tắc nêu trên và căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định, yêu cầu quản lý, ngân sách địa phương, UBND các thành phố trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:

+ Quy định chức danh và số lượng NHĐKCT phường của từng quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố;

+ Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với NHĐKCT ở phường;

+ Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở phường phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

¹³ Nghị định số 32/2021/NĐ-CP về thành phố Hà Nội đã quy định rõ Chủ tịch UBND quận, thị xã thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại UBND phường (Khoản 1 Điều 19).

Căn cứ vào tổng số NHĐKCT được HĐND thành phố phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quyết định giao cụ thể số lượng NHĐKCT của mỗi phường trực thuộc cho phù hợp (không hạn chế số lượng tối thiểu và tối đa NHĐKCT ở phường nhưng không được vượt quá tổng số NHĐKCT ở phường được phân bổ cho quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố).

Theo đề xuất xác định số lượng NHĐKCT ở phường theo phân loại đơn vị hành chính của phường và dân số tăng thêm như trên thì số lượng NHĐKCT ở phường tăng 1.143 người so với quy định hiện nay¹⁴.

đ) Đối với NHĐKCT ở tổ dân phố thuộc phường:

Đề xuất quy định trao quyền chủ động cho các thành phố được quyết định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp của NHĐKCT ở tổ dân phố thuộc phường ngoài 3 chức danh (gồm: Bí thư Chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận) được ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp, cụ thể như sau:

- NHĐKCT ở tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận.

Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp bằng 4,5 mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với NHĐKCT ở mỗi tổ dân phố. Riêng đối với tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên được khoán quỹ phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được khoán theo quy định; đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và ngân sách của địa phương, UBND thành phố trình HĐND thành phố quy định mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với các chức danh nêu trên.

- Đối với những chức danh khác ngoài 03 chức danh nêu trên, căn cứ vào đặc thù của từng phường, yêu cầu quản lý và ngân sách của địa phương, UBND thành phố trình HĐND thành phố quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh.

e) Về tổ chức và số lượng cấp phó người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, thành phố thuộc thành phố:

- Về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung như sau: Căn cứ quy định của Chính phủ về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và tình hình thực tế tại mỗi quận, UBND thành phố quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên và quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, bảo đảm tinh gọn, hợp lý và không vượt quá số lượng cơ quan chuyên môn theo quy định”.

¹⁴ Theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP) thì số lượng NHĐKCT ở cấp xã được quy định như sau: loại I tối đa 14 người; loại II tối đa 12 người; loại III tối đa 10 người.

- Về số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, dự thảo Nghị định quy định theo hướng số lượng cấp phó bình quân là 03 người và giao UBND Thành phố Hồ Chí Minh quyết định số lượng cụ thể.

g) Về một số chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương

- Về nhiệm vụ an ninh, quốc phòng: Tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP sửa đổi theo hướng tách thành 02 điều riêng: 01 điều quy định về quận và phường thuộc quận; 01 điều quy định về phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (thành phố Thủ Đức). Đồng thời, tại 03 Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về thẩm quyền, nhiệm vụ an ninh như ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo hướng đảm bảo tính bao quát.

- Về thực hiện thẩm quyền của HĐND quận, HĐND phường quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành: Bổ sung tại điều khoản chuyển tiếp của 03 Nghị định những nội dung sau:

+ Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình HĐND phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì UBND phường trình UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác; đối với những nhiệm vụ phải trình HĐND quận thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì UBND quận trình UBND thành phố để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

+ Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình HĐND quận thông qua trước khi UBND quận quyết định thì UBND quận quyết định theo thẩm quyền.

h) Về thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường, UBND phường ban hành trước ngày 01/7/2021; thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận:

- Về thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường và UBND phường (ban hành trước ngày 01/7/2021), dự thảo Nghị định bổ sung quy định: Đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND quận, HĐND phường thuộc quận do HĐND thành phố bãi bỏ; đối với văn bản quy phạm pháp luật của HĐND phường thuộc thị xã, thành phố thuộc thành phố do HĐND thị xã, thành phố thuộc thành phố bãi bỏ; đối với văn bản quy phạm pháp luật của UBND phường do Chủ tịch UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố bãi bỏ.

Việc đề xuất như trên là phù hợp với thẩm quyền bãi bỏ văn bản trái pháp luật của HĐND và Chủ tịch UBND quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa

phương (HĐND cấp trên bãi bỏ văn bản trái pháp luật của HĐND cấp dưới, Chủ tịch UBND cấp trên bãi bỏ văn bản trái pháp luật của UBND cấp dưới).

- Về thể thức văn bản quy phạm pháp luật của UBND quận, dự thảo Nghị định bổ sung nội dung sau: Thể thức và kỹ thuật trình bày quyết định của UBND quận thực hiện theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Đồng thời, để phù hợp với thẩm quyền Chủ tịch quận ký ban hành quyết định của UBND quận với tư cách là người đứng đầu cơ quan ban hành (không phải thay mặt UBND), dự thảo Nghị định quy định cụ thể mẫu quyết định của UBND quận tại phụ lục kèm theo.

i) Sửa đổi, bổ sung một số quy định khác tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP để bảo đảm chính xác, thống nhất.

- Nghị định số 33/2021/NĐ-CP: Bỏ cụm từ “Phó Chủ tịch” và “khoản 1” tại khoản 2 Điều 42; sửa cụm từ “Ban thuộc Hội đồng nhân dân” thành “Ban của Hội đồng nhân dân” tại Điều 4.

- Nghị định số 34/2021/NĐ-CP: Bỏ nội dung về viên chức tại Điều 27.

- Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và Nghị định số 34/2021/NĐ-CP: Sửa đổi quy định về thẩm định dự thảo quyết định của UBND quận để đảm bảo chính xác, phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2.2. Điều 4 và Điều 5 quy định về hiệu lực và trách nhiệm thi hành. Trong đó, để tạo chủ động, linh hoạt cho các địa phương, dự thảo Nghị định giao UBND thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng ban hành quy chế làm việc và mối quan hệ công tác giữa UBND, Chủ tịch UBND phường với tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường.

Đồng thời, căn cứ ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương, bổ sung nội dung: Định kỳ hằng năm các thành phố tổng hợp số lượng biên chế cán bộ, công chức phường của thành phố, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ.

IV. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Công văn số ... ngày ... tháng ... năm 2022 (kèm theo), Bộ Nội vụ xin tiếp thu và giải trình như sau:

1. Những nội dung tiếp thu

.....

2. Những nội dung giải trình

V. NHỮNG NỘI DUNG XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân về dự thảo Nghị định, đến nay vẫn còn có một số vấn đề có ý kiến khác nhau. Bộ Nội vụ xin ý kiến Chính phủ như sau:

1. Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, phường

Về cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường có Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, Trưởng Công an phường, hiện nay có loại ý kiến 2 như sau:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng trong cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường cần có đại diện lực lượng quân sự, công an để đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là trong điều kiện tổ chức chính quyền đô thị. Do đó, cần giữ nguyên quy định của các Nghị định về nội dung này.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng quy định về cơ cấu tổ chức của UBND quận, UBND phường tại các Nghị định là chưa phù hợp các Nghị quyết của Quốc hội, do đó, cần sửa đổi để đảm bảo phù hợp với các Nghị quyết của Quốc hội.

Bộ Nội vụ đề xuất thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất với các lý do sau: Đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn; đảm bảo sự phối hợp kịp thời giữa chính quyền đô thị và các cơ quan quân sự, công an, giúp lực lượng quốc phòng, công an thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

2. Về quản lý, sử dụng, chế độ, chính sách đối với cán bộ phường

Loại ý kiến thứ nhất đề nghị quy định biên chế cán bộ phường do UBND quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố quản lý, sử dụng và chế độ, chính sách của cán bộ phường thực hiện như đối với công chức phường.

Loại ý kiến thứ hai đề nghị biên chế cán bộ phường do tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách hoặc thuộc biên chế khối đảng, do quận ủy, thị ủy quản lý để bảo đảm thống nhất về quản lý và sử dụng biên chế của khối đảng, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương.

Bộ Nội vụ đề xuất thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất với lý do sau: Giải quyết các vướng mắc, bất cập nêu trên và thực hiện chủ trương liên thông giữa cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức nói chung tại Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị trung ương 7 Khóa XII “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

3. Về số lượng biên chế công chức phường

Dự thảo Nghị định xác định số lượng biên chế công chức phường tính theo quy mô dân số phường, theo đó số lượng biên chế công chức phường dự kiến sẽ tăng lên 1.143 biên chế. Tuy nhiên, hiện nay tổng biên chế cán bộ, công chức của các địa phương đã được Bộ Chính trị giao ổn định trong giai đoạn 2022-2026 (trong đó số lượng biên chế công chức phường tại 03 thành phố đã được giao là 7.035 biên chế)¹⁵. Do đó, trường hợp Chính phủ đồng ý với phương án tính số lượng biên chế công chức phường tại 03 thành phố như trong dự thảo Nghị định thì cần xin ý kiến của Bộ Chính trị vấn đề tăng biên chế này.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định (dự thảo Nghị định và hồ sơ gửi kèm theo)./.*PM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, CQĐP.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà

¹⁵ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026.